

Bản án số: 29/ 2017/HNGĐ-ST
Ngày: 8/12/ 2017.
Về việc: Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Y, TỈNH NINH BÌNH

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Phương.

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Công.

2. Ông Lê Thanh Thu.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Trần Thị Khanh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Y.

Ngày 8 tháng 12 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 127/2017/TLST- HNGĐ ngày 12 tháng 10 năm 2017 về việc: Ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/ QĐST - HNGĐ ngày 27 tháng 11 năm 2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị N; có mặt.

Địa chỉ: 161, ấp 4, đường T, xã H, thành phố H, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T; vắng mặt.

Địa chỉ: Xóm 7, xã T, huyện Y, tỉnh Ninh Bình.

NHẬN THẤY

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, các văn bản khác có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn là bà Nguyễn Thị N trình bày: Bà và ông Nguyễn Văn T sau 1 năm tự do tìm hiểu đã tự nguyện kết hôn với nhau, đăng ký kết hôn năm 1991 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Y, tỉnh Ninh Bình. Sau khi kết hôn bà N và ông T chung sống hạnh phúc khoảng 9 năm thì phát sinh mâu thuẫn do trong cuộc sống vợ chồng luôn bất đồng quan điểm và ông T mải rượu chè, không tu chí làm ăn. Ông T đã nhiều lần chửi bới, đánh đập bà nhưng bà đã cố gắng nín nhịn để vợ chồng chung sống và cùng nhau làm ăn. Ông bà cũng được chính quyền cơ sở thôn xóm đến hòa giải rất nhiều lần nhưng không có kết quả. Năm 2001 gia đình bà vào Đồng Nai làm ăn nhưng ông T không lo làm ăn, không quan tâm đến vợ con. Năm 2006 do cuộc sống chung không có hạnh phúc nên bà đã quyết định sống ly thân với ông T. Sau đó ông T có vài lần đến chỗ bà làm nhưng vợ chồng không hàn gắn được tình cảm. Do đó ông T đã về quê ở xã T sinh sống từ năm 2007 cho đến nay. Bà và ông T đã sống ly thân nhau 11 năm nay và không quan tâm đến cuộc sống của nhau. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục

đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Văn T.

Về con chung (riêng): Bà và ông T có 2 con chung là anh Nguyễn Hồng T sinh năm 1993 và anh Nguyễn Văn N sinh năm 1995 đã trưởng thành, tự lập được cuộc sống; bà và ông T không có con riêng nên bà không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về tài sản chung (riêng), công nợ và đất nông nghiệp: Bà và ông T không có tài sản chung (riêng), công nợ và đất nông nghiệp nên bà không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 20 tháng 11 năm 2017 bị đơn là ông Nguyễn Văn T trình bày: Ông và bà N sau khoảng 6 tháng tự do tìm hiểu đã tự nguyện kết hôn với nhau, đăng ký kết hôn vào ngày 22 tháng 12 năm 1991 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Y, tỉnh Ninh Bình. Sau khi kết hôn vợ chồng ông sống tương đối hạnh phúc. Tuy nhiên trong cuộc sống vợ chồng cũng có những va chạm nhỏ nhưng ông bà đã khắc phục được. Đến năm 2006 thì vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng do bà N bỏ công việc nương rẫy để đi làm công nhân nên mỗi người ở một nơi. Hàng tháng ông có xuống chỗ bà N nên bà N cứ đuổi do đó năm 2007 ông về quê ở T để làm ăn sinh sống. Ông có vài lần tìm bà N nhưng không gặp. Thực tế ông và bà N đã sống ly thân 11 năm và 3 năm nay không quan tâm đến cuộc sống của nhau. Nay ông xác định mục đích hôn nhân không đạt được nhưng vì các con đã lớn, sau này ảnh hưởng đến cuộc sống của các cháu nên ông không nhất trí ly hôn.

Về con chung (riêng): Ông và bà N không có con riêng; ông bà có 2 con chung là anh Nguyễn Hồng T sinh năm 1993 và anh Nguyễn Văn N sinh năm 1995 đã trưởng thành, tự lập được cuộc sống nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về tài sản chung (riêng), công nợ và đất nông nghiệp: Ông và bà N không có tài sản chung (riêng), công nợ và đất nông nghiệp nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

XÉT THẤY

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1/ Về tố tụng: Tại phiên tòa vắng mặt bị đơn là ông Nguyễn Văn T, ông T có đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy để đảm bảo quyền lợi của các đương sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

2/ Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị N và ông Nguyễn Văn T là hợp pháp. Sau 9 năm chung sống hạnh phúc, vợ chồng bà N và ông T phát sinh mâu thuẫn do hai bên không có sự tin tưởng và bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Bà N và ông T đều xác định ông bà đã sống ly thân 11 năm và mục đích hôn nhân không đạt được. Tuy nhiên ông T không nhất trí ly hôn với bà N vì các con đã lớn sau này ảnh hưởng đến cuộc sống của các cháu. Điều này

chứng tỏ tình trạng vợ chồng giữa bà N và ông T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn.

3/ Về con chung (riêng): Bà N và ông T có 2 con chung là anh Nguyễn Hồng T sinh năm 1993 và anh Nguyễn Văn N sinh năm 1995 đã trưởng thành, tự lập được cuộc sống; bà N và ông T không có con riêng nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4/ Về tài sản chung (riêng), công nợ và đất nông nghiệp: Bà N và ông T không có tài sản chung (riêng), công nợ và đất nông nghiệp nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

5/ Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bà Nguyễn Thị N phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1/ Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị N và ông Nguyễn Văn T được ly hôn.

2/ Về án phí: Bà Nguyễn Thị N phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/ 2013/ 0001782 ngày 12 tháng 10 năm 2017 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Y, tỉnh Ninh Bình.

Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết.

**T/M.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình.
- VKSND huyện Y.
- Chi cục THA dân sự huyện Y.
- UBND xã T, huyện Y.
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng.

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thanh Phương